

# MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO LUẬT CÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)

## ■ CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP, BỘ TƯ PHÁP

**T**hực hiện Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, ngày 06/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 805/QĐ-TTg giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) (sau đây gọi là dự thảo Luật) cơ bản giữ nguyên quy định của Luật Công chứng năm 2014 về phạm vi điều chỉnh, bao gồm các quy định về công chứng viên (CCV), tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC), việc hành nghề công chứng, thủ tục công chứng và quản lý nhà nước về

công chứng. Tuy nhiên, các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh đều được sửa đổi, bổ sung khá cơ bản nhằm bảo đảm tính đồng bộ về thể chế, phù hợp với mục đích và quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật Công chứng (sửa đổi). Với phạm vi sửa đổi, bổ sung nêu trên, dự thảo Luật gồm 10 chương, 78 điều, được xây dựng trên cơ sở giữ nguyên 09 điều, sửa đổi 61 điều, giảm bớt 12 điều và bổ sung 09 điều mới trong tổng số 81 điều của Luật Công chứng năm 2014. Những nội dung cơ bản và điểm mới của dự thảo Luật<sup>1</sup> gồm:

### 1. Những quy định chung

Chương I gồm 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7) quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc chung của hoạt động công chứng, với những điểm mới cơ bản như sau:

- Xác định đúng phạm vi hoạt động công chứng và thẩm quyền của CCV. Theo đó, công chứng là việc

CCV chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của giao dịch dân sự bằng văn bản (khoản 1 Điều 2); việc chứng nhận bản dịch không còn thuộc phạm vi hoạt động công chứng, tuy nhiên, CCV sẽ vẫn được giao chứng nhận bản dịch bằng hình thức chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực (điểm c khoản 1 Điều 16).

Như vậy, bên cạnh việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký cá nhân theo quy định của Luật Công chứng năm 2014, CCV sẽ có thẩm quyền thực hiện thêm 01 loại việc chứng thực là chứng thực chữ ký người dịch. Quy định này vừa bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi có nhu cầu chứng thực, vì ngoài Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện thì người dân có thêm lựa chọn là thực hiện các việc chứng thực tại TCHNCC. Mặt khác, việc giao cho CCV chứng thực chữ ký người dịch cũng góp phần giảm tải đáng kể công việc cho các Phòng Tư pháp cấp huyện, giúp cơ quan này có thời gian, nhân lực thực hiện các

nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Bổ sung quy định xác định rõ hành nghề công chứng là việc CCV thực hiện việc công chứng giao dịch. Như vậy, mặc dù CCV được giao thực hiện một số việc chứng thực nhưng nếu một CCV không thực hiện công chứng giao dịch mà chỉ thực hiện việc chứng thực thì không được xem là hành nghề công chứng (khoản 5 Điều 2). Đây là căn cứ quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, xác minh, xem xét xử lý đối với CCV trong quá trình hành nghề của mình.

- Xác định lại và bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm đối với từng nhóm đối tượng (CCV, TCHNCC và cá nhân, tổ chức có liên quan) nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CCV, góp phần phát triển đội ngũ CCV chất lượng cao và các TCHNCC ổn định, bền vững, tăng cường trách nhiệm, ý thức của cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc công chứng (Điều 7).

### **2. Quy định về công chứng viên**

Chương II gồm 09 điều (từ Điều 8 đến Điều 16) quy định các vấn đề về tiêu chuẩn bổ nhiệm CCV; đào tạo, tập sự nghề công chứng; bổ nhiệm,

bổ nhiệm lại, miễn nhiệm CCV; quyền và nghĩa vụ của CCV. So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật có những điểm mới như sau:

- Về đào tạo nghề công chứng: Để góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của đội ngũ CCV, dự thảo Luật quy định những đối tượng được miễn đào tạo nghề và tham gia bồi dưỡng nghề công chứng theo quy định của Luật Công chứng năm 2014 sẽ tham gia đào tạo nghề nhưng được giảm một nửa thời gian đào tạo nghề công chứng so với những đối tượng đào tạo nghề thông thường (khoản 3 Điều 9).

- Về tập sự hành nghề công chứng (Điều 10): Để giúp cho các đối tượng tập sự đủ thời gian thực hành, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, dự thảo Luật quy định thời gian tập sự hành nghề công chứng thống nhất là 12 tháng; người tập sự hành nghề công chứng phải bảo đảm thời gian tập sự theo ngày, giờ làm việc của TCHNCC nhận tập sự để bảo đảm sự nghiêm túc, thực chất của việc tập sự, tránh tình trạng chỉ ghi danh tập sự. Đồng thời, dự thảo Luật cũng bổ sung quy định trong thời hạn 05 năm kể từ ngày

được cấp giấy chứng nhận mà người đạt yêu cầu kiểm tra không đề nghị bổ nhiệm CCV thì giấy chứng nhận hết hiệu lực.

- Về hành nghề công chứng: Để nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong hoạt động công chứng, dự thảo Luật bổ sung quy định về độ tuổi hành nghề của CCV là đến 70 tuổi (các điều 8, 14, 15); đồng thời, dự thảo Luật quy định chuyển tiếp đối với CCV trên 70 tuổi đang hành nghề công chứng tại thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục hành nghề công chứng trong thời hạn tối đa là 02 năm để những CCV này có thời gian hoàn thành hoặc bàn giao lại các việc công chứng và các nghĩa vụ khác của mình đối với Văn phòng công chứng (VPCC).

- Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm CCV (từ Điều 11 đến Điều 15): Để nâng cao chất lượng đội ngũ CCV, dự thảo Luật đã bổ sung một số trường hợp không được bổ nhiệm CCV (khoản 4, khoản 6 Điều 12), trường hợp bị miễn nhiệm CCV (khoản 2 Điều 14), trường hợp được và không được bổ nhiệm lại CCV (Điều 15) cũng như hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm

lại CCV theo hướng bảo đảm những người thực sự xứng đáng mới được bổ nhiệm CCV hoặc trở lại đội ngũ CCV. Mặt khác, thực hiện chủ trương, yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, dự thảo Luật đã đơn giản hóa thành phần hồ sơ và giảm bớt thời gian giải quyết hồ sơ. Cụ thể, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm CCV gồm 07 loại giấy tờ theo quy định của Luật Công chứng năm 2014 được giảm xuống chỉ còn 03 loại giấy tờ là đơn đề nghị bổ nhiệm, giấy tờ chứng minh thời gian công tác pháp luật và giấy chứng nhận sức khỏe<sup>2</sup>; thời gian giải quyết hồ sơ được giảm bớt 05 ngày.

- Về quyền, nghĩa vụ của CCV (Điều 16): Dự thảo Luật đã bổ sung một số quy định nhằm làm rõ và nâng cao trách nhiệm của CCV, như quyền chứng thực chữ ký người dịch theo quy định pháp luật về chứng thực<sup>3</sup>; quyền khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu theo quy định pháp luật để thực hiện việc công chứng. Đồng thời, dự thảo Luật cũng quy định rõ nghĩa vụ của CCV trong việc gia nhập Hội CCV tại địa phương<sup>4</sup> nơi muốn hành nghề và duy trì tư cách hội viên trong suốt quá trình hành nghề công

chứng tại địa phương đó; bổ sung quy định CCV có nghĩa vụ bảo đảm giờ làm việc theo ngày, giờ làm việc của TCHNCC mà mình đang hành nghề; quyền của CCV được từ chối yêu cầu công chứng theo Luật Công chứng năm 2014 cũng được chuyển thành nghĩa vụ từ chối công chứng trong trường hợp giao dịch vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội...

### **3. Quy định về tổ chức hành nghề công chứng**

Chương III gồm 18 điều (từ Điều 17 đến Điều 34) quy định các vấn đề về thành lập và hoạt động của TCHNCC, gồm Phòng công chứng (PCC) và VPCC, quyền và nghĩa vụ của TCHNCC nhằm phát triển hệ thống TCHNCC ổn định, bền vững, phù hợp với nhu cầu công chứng của xã hội và có sự kiểm soát hợp lý của Nhà nước để bảo đảm cung cấp dịch vụ công chứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả. So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật có những sửa đổi, bổ sung cơ bản như sau:

- Về thành lập và hoạt động của PCC (các điều 17, 18, 19): Dự thảo Luật được sửa đổi, bổ sung theo hướng giao Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm,

miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng công chứng thay vì giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như hiện nay để tăng cường phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước về công chứng. Việc thành lập PCC mới chỉ được thực hiện tại những địa bàn chưa phát triển được VPCC<sup>5</sup>.

- Về thành lập, đăng ký hoạt động của VPCC (từ Điều 20 đến Điều 23): Dự thảo Luật không bắt buộc đặt tên của VPCC theo họ tên của một trong số các CCV hợp danh như hiện nay nhằm khắc phục bất cập của Luật Công chứng năm 2014 về đặt tên VPCC (VPCC phải mất thời gian, tăng chi phí thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động; tình trạng nhầm lẫn do cùng tên gọi VPCC nhưng thực chất lại là những VPCC khác nhau do CCV hợp danh dùng tên của mình để đặt tên cho VPCC mới...). Bên cạnh đó, dự thảo Luật bổ sung quy định về vấn đề góp vốn của CCV hợp danh nhằm bảo đảm CCV hợp danh phải thực sự là người góp vốn vào VPCC, là người sở hữu VPCC và tạo cơ sở cho việc quản lý nhà nước đối với hoạt động của các VPCC. Đối với thủ tục thành

lập VPCC, thay vì quy định gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật xác định rõ Sở Tư pháp là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập VPCC, xem xét và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập VPCC. Đồng thời, dự thảo Luật bổ sung quy định về việc VPCC chỉ được thay đổi địa chỉ trụ sở trong phạm vi địa bàn cấp huyện nơi đặt trụ sở theo quyết định cho phép thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm sự phân bố hợp lý, phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức.

- Về chấm dứt tư cách thành viên hợp danh và tiếp nhận thành viên hợp danh mới của VPCC (Điều 26, Điều 27): Để hạn chế trường hợp lợi dụng quy định về thay đổi thành viên hợp danh để thường xuyên thay đổi nơi hành nghề công chứng nhằm đối phó với quy định về việc VPCC phải có từ 02 CCV hợp danh trở lên, dự thảo Luật quy định rõ các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh của VPCC theo hướng áp dụng tối đa các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ

sung năm 2022) phù hợp với đặc thù của hoạt động công chứng. Cụ thể, dự thảo Luật quy định, về cơ bản, việc CCV tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên hợp danh phải gắn liền với việc CCV đó tự nguyện rút vốn khỏi VPCC hoặc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình cho các CCV hợp danh khác của VPCC; việc rút vốn hoặc chuyển nhượng vốn góp phải được thực hiện theo quy trình cụ thể (khoản 2 Điều 26). Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh khác (bị khai trừ, bị miễn nhiệm CCV...) cũng được quy định khá cụ thể về quyền, nghĩa vụ của CCV hợp danh và cá nhân có liên quan, đồng thời, quy định rõ về những hạn chế đối với những CCV này sau khi chấm dứt tư cách thành viên hợp danh (thời hạn liên đới chịu trách nhiệm, thời hạn được tiếp tục hợp danh hoặc thành lập VPCC mới).

Đối với việc tiếp nhận thành viên hợp danh mới, dự thảo Luật không chỉ quy định rõ về điều kiện tiếp nhận mà còn quy định rõ trách nhiệm góp vốn của thành viên hợp danh mới và điều kiện để người thừa kế của CCV

hợp danh trở thành thành viên hợp danh mới của VPCC (Điều 27).

- Về tạm ngừng hoạt động của VPCC (Điều 30): Dự thảo Luật bổ sung 01 điều luật mới (Điều 30) quy định về 03 trường hợp tạm ngừng, thời hạn tạm ngừng, trách nhiệm của Sở Tư pháp và nghĩa vụ của VPCC tạm ngừng hoạt động. Theo đó, VPCC vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, nghĩa vụ đối với người lao động, người yêu cầu công chứng; quy định rõ việc xử lý các yêu cầu về sửa đổi, bổ sung, chấm dứt giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng phát sinh trong thời gian VPCC tạm ngừng hoạt động để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng và tổ chức, cá nhân có liên quan (khoản 4, khoản 5 Điều 30).

- Về thu hồi quyết định cho phép thành lập và chấm dứt hoạt động của VPCC (Điều 31, Điều 32): Dự thảo Luật đã bổ sung một số trường hợp thu hồi quyết định cho phép thành lập VPCC để phù hợp với thực tiễn quản lý, bao gồm: (i) Nội dung đăng ký hoạt động của VPCC không đúng theo hồ sơ đề nghị thành lập VPCC



đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; (ii) VPCC không duy trì được các điều kiện hoạt động đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo hồ sơ đề nghị thành lập trong thời hạn ít nhất là 01 năm kể từ ngày được cấp giấy đăng ký hoạt động; (iii) VPCC do tổ chức, người không phải là CCV đầu tư để thành lập, duy trì hoạt động; (iv) VPCC hết thời hạn tạm ngừng hoạt động quy định tại Điều 31 Luật này mà lý do tạm ngừng vẫn còn; (v) Không bảo đảm số lượng tối thiểu 02 thành viên hợp danh, trừ một số trường hợp cụ thể được quy định tại khoản 2 Điều 31.

Đối với vấn đề chấm dứt hoạt động của VPCC, dự thảo Luật bổ sung quy định CCV hợp danh của VPCC đề nghị chấm dứt hoạt động hoặc VPCC bị thu hồi quyết định cho phép thành lập chỉ được hợp danh vào VPCC đang hoạt động hoặc tham gia thành lập VPCC mới sau thời hạn ít nhất là 02 năm kể từ ngày quyết định thu hồi giấy đăng ký hoạt động của VPCC có hiệu lực thi hành. Quy định này vừa bảo đảm sự thống nhất đối với nghĩa vụ của CCV chấm dứt tư

cách thành viên hợp danh, vừa hạn chế tình trạng thường xuyên chấm dứt hoạt động của một VPCC.

- Về quyền và nghĩa vụ của TCHNCC (Điều 33, Điều 34): Bổ sung quy định cụ thể hơn về quyền và nghĩa vụ của các TCHNCC, như quyền cung cấp dịch vụ chứng thực, quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động công chứng; nghĩa vụ ký hợp đồng và niêm yết danh sách cộng tác viên dịch thuật trong trường hợp tổ chức có cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký người dịch, nghĩa vụ sử dụng con dấu tại trụ sở TCHNCC...

#### **4. Quy định về hành nghề công chứng**

Chương IV gồm 04 điều (từ Điều 35 đến Điều 38) quy định về hình thức hành nghề của CCV, Thẻ công chứng viên, bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV. So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật có một số điểm mới như sau:

- Về hình thức hành nghề của CCV (Điều 35): Ngoài 03 hình thức

hành nghề của CCV như hiện nay (gồm: CCV của PCC, CCV hợp danh của VPCC và CCV hợp đồng của VPCC), dự thảo Luật bổ sung thêm 01 hình thức hành nghề là CCV làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại PCC. Quy định này vừa tạo thêm cơ hội hành nghề cho CCV, vừa giúp các PCC giải quyết khó khăn trong việc bổ sung CCV cho đơn vị mình trước yêu cầu tinh gọn bộ máy, không phát sinh biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Dự thảo Luật đã cắt giảm thủ tục đăng ký hành nghề cho CCV và quy định Sở Tư pháp cấp Thẻ công chứng viên cùng với việc thành lập, đăng ký hoạt động hoặc bổ sung CCV của TCHNCC (Điều 36).

- Quy định rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp TCHNCC đã chuyển đổi, chuyển nhượng, hợp nhất, sáp nhập và trường hợp TCHNCC đã giải thể, chấm dứt hoạt động nhằm cá thể hóa và nâng cao ý thức trách nhiệm cho cả TCHNCC và CCV (Điều 37).

- Bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV, như tham gia cùng cơ quan

nhà nước trong việc bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm, hướng dẫn nghiệp vụ cho hội viên... (Điều 38).

### **5. Thủ tục công chứng giao dịch**

Chương V gồm 24 điều (từ Điều 39 đến Điều 62) quy định các vấn đề liên quan đến thủ tục chung về công chứng cũng như thủ tục công chứng một số giao dịch cụ thể và vấn đề công chứng điện tử. So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật có một số điểm mới cơ bản như sau:

- Thủ tục chung về công chứng (từ Điều 39 đến Điều 51):

+ Về hồ sơ yêu cầu công chứng (khoản 1 Điều 39): Dự thảo Luật đã bỏ Phiếu yêu cầu công chứng nhằm loại bỏ những loại giấy tờ không cần thiết trong thành phần hồ sơ này; quy định việc xuất trình bản chính giấy tờ có thể được thực hiện ngay ở giai đoạn nộp hồ sơ yêu cầu công chứng mà không quy định “cứng” là chỉ được xuất trình trước khi CCV ghi lời chứng như Luật Công chứng năm 2014, vì trong nhiều trường hợp, việc cung cấp sớm bản chính giấy tờ có thể giúp CCV và các bên tham gia giao dịch tiết kiệm thời gian, công sức trong việc giải quyết hồ sơ yêu



cầu công chứng. Dự thảo Luật quy định rõ về trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được bán đấu giá để thi hành án mà chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng đủ điều kiện được cấp giấy, hoặc đã được cấp giấy chứng nhận nhưng không thu hồi được giấy này. Việc bổ sung quy định là cần thiết để giải quyết vướng mắc trong hoạt động thi hành án dân sự thời gian qua, đồng thời phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023.

+ Về địa điểm công chứng (Điều 43): Với tinh thần kế thừa quy định của Luật Công chứng năm 2014 về việc tuân thủ nguyên tắc công chứng tại trụ sở để bảo đảm tính nghiêm túc của dịch vụ công, dự thảo Luật không cho phép công chứng ngoài trụ sở với “lý do chính đáng khác” mà quy định chỉ được công chứng ngoài trụ sở trong một số trường hợp cụ thể đã được liệt kê rõ, tránh tình trạng lạm dụng “lý do chính đáng khác” như thời gian qua.

+ Về lời chứng của CCV (Điều 45): Dự thảo Luật quy định chi tiết hơn về lời chứng nhằm làm rõ hơn trách

nhiệm của CCV đối với việc công chứng, như trong lời chứng phải ghi nhận rõ chữ ký, dấu điểm chỉ của các bên được ký, điểm chỉ trước sự chứng kiến của CCV hoặc được ký trước đối với trường hợp đăng ký chữ ký mẫu, đồng thời ghi nhận rõ trách nhiệm của CCV đối với giao dịch; trường hợp công chứng ngoài trụ sở hoặc việc công chứng có người làm chứng, người phiên dịch thì lời chứng của CCV còn phải ghi rõ các thông tin liên quan đến việc công chứng ngoài trụ sở, việc làm chứng, phiên dịch; CCV không được đưa vào lời chứng những nội dung nhằm trốn tránh, loại trừ trách nhiệm của mình...

+ Về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch (Điều 50): Dự thảo Luật bổ sung quy định về chấm dứt giao dịch đã công chứng; quy định rõ việc sửa đổi, bổ sung thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thì phải được sự đồng ý của các bên tham gia giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...

- Thủ tục công chứng một số giao dịch cụ thể (từ Điều 52 đến Điều 58): Khác với cách tiếp cận của Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật đã

quy định rõ việc công chứng những giao dịch cụ thể trước hết phải tuân thủ thủ tục chung, sau đó, mới tính đến các yếu tố đặc thù tương ứng đối với từng loại giao dịch. Ví dụ, đối với việc công chứng hợp đồng ủy quyền trong trường hợp hai bên không thể cùng đến một TCHNCC, dự thảo Luật quy định mỗi bên có thể chọn một TCHNCC bất kỳ để thực hiện việc công chứng hợp đồng ủy quyền này; khi thực hiện sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hay hủy bỏ hợp đồng ủy quyền này thì cũng thực hiện theo nguyên tắc chung, đồng thời xác định rõ thẩm quyền và quy trình thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc hủy bỏ này (khoản 2 Điều 54). Đối với việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản và văn bản khai nhận di sản theo Luật Công chứng năm 2014, để bảo đảm tính thống nhất với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các luật có liên quan, tránh tình trạng nhầm lẫn hoặc khó khăn trong việc xác định loại văn bản cần lập, dự thảo Luật gộp 02 loại văn bản này thành 01 điều là công chứng văn bản phân chia di sản (Điều 56).

- Về công chứng điện tử (từ Điều 59 đến Điều 62): Đây là nội dung hoàn toàn mới so với Luật Công chứng năm 2014. Dự thảo Luật đã bổ sung 04 điều để quy định một số vấn đề cơ bản nhất về công chứng điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số hoạt động công chứng. Theo đó, công chứng điện tử là việc công chứng được thực hiện bằng phương tiện điện tử để tạo lập văn bản công chứng điện tử; việc công chứng điện tử phải bảo đảm các nguyên tắc cụ thể; việc cung cấp dịch vụ công chứng điện tử chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện cụ thể. Đồng thời, dự thảo Luật cũng quy định về khái niệm, thời điểm có hiệu lực, giá trị của văn bản công chứng điện tử và việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng điện tử và văn bản công chứng giấy; quy định 02 quy trình gồm công chứng điện tử trực tiếp và công chứng điện tử trực tuyến.

Trên cơ sở các quy định cơ bản này, dự thảo Luật giao Chính phủ quy định các vấn đề cụ thể về công chứng điện tử và triển khai thực hiện quá trình chuyển đổi số hoạt động công

chúng trên thực tế. Cụ thể là giao Chính phủ quy định về phạm vi các giao dịch được công chứng điện tử căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ công chứng điện tử trong từng thời kỳ (khoản 3 Điều 59); quy trình, thủ tục công chứng điện tử (khoản 3 Điều 62).

**6. Cơ sở dữ liệu công chứng, lưu trữ hồ sơ công chứng**

Chương VI gồm 04 điều (từ Điều 63 đến Điều 66) quy định về cơ sở dữ liệu công chứng, hồ sơ công chứng, lưu trữ hồ sơ công chứng và cấp bản sao văn bản công chứng. So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật có một số điểm mới cơ bản như sau:

- Về cơ sở dữ liệu công chứng (Điều 63): Cơ sở dữ liệu này đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện công chứng nói chung, thực hiện công chứng điện tử nói riêng. Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung cơ bản các quy định của Luật Công chứng năm 2014 về vấn đề này nhằm đặt nền tảng cho việc triển khai công chứng điện tử. Theo đó, dự thảo Luật quy định cơ sở dữ liệu công chứng gồm 04 cơ sở dữ liệu thành phần; nguyên tắc

xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu có liên quan và việc quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công chứng.

- Về hồ sơ công chứng, lưu trữ hồ sơ công chứng và cấp bản sao văn bản công chứng (các điều 64, 65, 66): Dự thảo Luật giảm bớt thành phần hồ sơ công chứng (phiếu yêu cầu công chứng) để phù hợp với quy định về thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng đã được đơn giản hóa tại Điều 39; kế thừa quy định của Luật Công chứng năm 2014 và bổ sung quy định rõ hơn về yêu cầu đối với việc lưu trữ hồ sơ công chứng, điều chỉnh về thời hạn lưu trữ, quy định về việc chuyển đổi hồ sơ giấy thành dạng thông điệp dữ liệu; việc cấp bản sao văn bản công chứng đang được lưu trữ tại TCHNCC tạm ngừng hoạt động.

**7. Phí công chứng, giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng và chi phí khác**

Chương VII gồm 03 điều (các điều 67, 68, 69) quy định về phí công chứng, giá dịch vụ theo yêu

câu liên quan đến việc công chứng và chi phí khác.

So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật giữ nguyên các quy định của Luật Công chứng năm 2014 về phí công chứng, đồng thời thay đổi thuật ngữ “thù lao công chứng” theo Luật Công chứng năm 2014 thành “giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng” để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Giá năm 2023.

### **8. Quản lý nhà nước về công chứng**

Chương VIII gồm 03 điều (các điều 70, 71, 72) quy định về nội dung quản lý nhà nước về công chứng, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong công tác quản lý nhà nước về công chứng nhằm tăng cường hiệu quả quản lý hoạt động công chứng. So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật có một số điểm mới cơ bản sau đây:

- Bổ sung quy định về nội dung công tác quản lý nhà nước về công chứng (Điều 70).

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và Bộ Tư pháp nhằm bảo đảm công tác quản lý về công chứng, bao gồm quản lý

các TCHNCC trong bối cảnh quy hoạch tổng thể phát triển TCHNCC đã bị bãi bỏ, cụ thể là giao nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp trong việc xây dựng, trình Chính phủ ban hành chiến lược, định hướng phát triển ngành công chứng, tiêu chí, tiêu chuẩn thành lập TCHNCC; hướng dẫn các địa phương xây dựng đề án quản lý, phát triển các TCHNCC (Điều 71).

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương nhằm tăng quyền chủ động quyết định phù hợp với điều kiện thực tế, như ban hành đề án quản lý, phát triển TCHNCC tại địa phương; xem xét, quyết định việc chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, giao dịch từ Phòng tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sang TCHNCC đối với những địa bàn cấp huyện đã phát triển được TCHNCC (Điều 72).

### **9. Xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại và giải quyết tranh chấp**

Chương IX gồm 03 điều (các điều 73, 74, 75) quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực công chứng, giải quyết khiếu nại và giải quyết tranh chấp

trong hoạt động công chứng.

So với Luật Công chứng năm 2014, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau: Bổ sung quy định về nguyên tắc xử lý kỷ luật đối với CCV và thẩm quyền, trình tự xem xét kỷ luật CCV; quy định về giải quyết khiếu nại trong hoạt động công chứng, theo đó, sẽ có 02 cơ chế giải quyết khiếu nại gồm khiếu nại hành chính được giải quyết theo Luật Khiếu nại năm 2011 (khoản 1 Điều 74) và khiếu nại quyết định kỷ luật của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV (khoản 2 Điều 74). Đối với vấn đề giải quyết tranh chấp, dự thảo Luật bổ sung lựa chọn để giải quyết tranh chấp

ngoài con đường khởi kiện ra Tòa án là phương án khác theo thỏa thuận của các bên hoặc pháp luật có quy định khác (Điều 75).

### **10. Điều khoản thi hành**

Chương X gồm 03 điều (các điều 76, 77, 78) quy định về việc công chứng của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp. Dự thảo Luật cập nhật các nội dung cần quy định chuyển tiếp nhằm quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể có liên quan khi thay đổi về chính sách và quy định cụ thể giữa Luật Công chứng năm 2014 và Luật này □

---

1. Nội dung cập nhật theo Hồ sơ dự án Luật Công chứng (sửa đổi) Chính phủ trình Quốc hội kèm theo Tờ trình số 183/TTr-CP ngày 25/4/2024.

2. Đã cắt giảm 04 loại giấy tờ, gồm: (i) Bằng cử nhân hoặc thạc sỹ, tiến sỹ luật; (ii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề/giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề công chứng; (iii) Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự; (iv) Phiếu Lý lịch tư pháp.

3. Quyền chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký cá nhân đã được quy định trong Luật Công chứng năm 2014.

4. Cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành, thành lập được Hội Công chứng viên và phù hợp với nghĩa vụ bắt buộc tham gia tổ chức xã hội - nghề nghiệp là nguyên tắc được thừa nhận ở các nước theo công chứng Latinh.

5. Nội dung này đã được quy định tại Điều 18 Luật Công chứng năm 2014 về nguyên tắc thành lập TCHNCC.